

Số: 63/2023/QĐST-HNGĐ

Q, ngày 15 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ Hôn nhân gia đình thụ lý số 57/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024. Giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1982

HKTT và nơi ở: thôn Đ, xã Đ, huyện Q, TP Hà Nội.

- *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1987

HKTT: thôn Đ, xã Đ, huyện Q, TP Hà Nội.

Hiện ở: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Hoà Bình.

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 29 quyền số 01/2006 của UBND xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 14/4/2006 giữa anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị Đ;

Căn cứ các điều 28, điều 35, điều 147, điều 212 và điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, điều 58, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh **Nguyễn Văn K** và chị **Nguyễn Thị Đ.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Anh K và chị Đ xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 03/02/2007 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 10/01/2010.

Anh chị thoả thuận giao 02 con chung cho chị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Anh K được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con:

Chị Đ không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh K đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

2.3. Về tài sản chung, công sức chung:

Anh K, chị Đ tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về công nợ chung:

Anh K, chị Đ xác định vợ chồng không có công nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

2.5. Về án phí:

Anh K tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0019908 ngày 07/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã Đ (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tổng Quốc Thanh

